

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 321B-C Đào Duy Anh, P.9, Q. Phú Nhuận, HCM.

Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90

Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN (HỢP NHẤT)

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 05
2. Báo cáo kiểm toán	06
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2011	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11 - 29

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về Công ty

1.1 Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành (tên giao dịch là: Ben Thanh Services Joint Stock Company) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển thể doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3127/QĐ-UB ngày 16 tháng 07 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305246978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04 tháng 10 năm 2007 và đã đăng ký thay đổi lần 06 ngày 10 tháng 05 năm 2010.

Vốn điều lệ : 31.507.470.000 đồng.

Công ty hiện nay đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 05 tháng 01 năm 2011 theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN ngày 03 tháng 11 năm 2010 và Thông báo số 1137/TB-SGDHN ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : BSC

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 1 Công ty con và 2 Công ty liên kết chi tiết như sau:

1.2 Công ty con

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngành nghề kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Công ty Cổ phần Xe máy Bến Thành	48-50-52 Trần Hưng Đạo, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	Mua bán xe mô tô, xe máy	55,00%

1.3 Công ty liên doanh, liên kết

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Ngành nghề kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành	45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, hàng không.	50,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Bến Thành Việt	68 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất.	35,00%

2. Trụ sở hoạt động

2.1 Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : +84 (8) – 3920 8804
Fax : +84 (8) – 3920 8794
Mã số thuế : 0305246978

2.2 Các đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành tại Bình Dương

Địa chỉ: Ấp Chiêu Liêu, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, Bình Dương;

- Trung tâm dịch vụ kho vận

Địa chỉ: 504 Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, Tp. HCM;

- Trung tâm Dịch vụ Bến Thành

Địa chỉ: 50/12 Bến Chương Dương, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp.HCM;

- Trung tâm kinh doanh Nhà hàng và Khách sạn Đakao

Địa chỉ: 26 Nguyễn Văn Thủ, phường Đakao, quận 1, Tp. HCM;

- Nhà hàng Bến Thành

Địa chỉ: 21-23-25-27 Tôn Thất Hiệp, phường Bến Nghé, quận 1, Tp. HCM.

3. Ngành nghề hoạt động

- Mua bán các mặt hàng gia dụng, lương thực, thực phẩm, lâm thủy hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu thủ công nghiệp, máy móc thiết bị phụ tùng vật tư ngành công nông nghiệp, hóa chất, nguyên vật liệu ngành xây dựng, hàng trang trí nội thất, hương liệu, hoa tươi, hoa khô, hoa nhựa, nữ trang vàng, bạc, đá quý, văn hóa phẩm (trừ băng đĩa nhạc, hình), văn phòng phẩm, quần áo, giày dép, mỹ phẩm, hóa mỹ phẩm, rượu bia, nước giải khát;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống;
- Kinh doanh khu vui chơi giải trí (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi tại trụ sở công ty);
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, theo hợp đồng;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Cho thuê văn phòng, căn hộ, kho bãi;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh cảng biển, khu công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế công trình, khảo sát xây dựng, giám sát thi công).
- Xây dựng công trình dân dụng vào công nghiệp;
- Mua bán, sửa chữa, bảo hành đồng hồ, điện thoại, xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng, thiết bị ngoại vi và linh kiện, hàng kim khí điện máy, hàng điện tử, thiết bị viễn thông;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ photocopy;
- Đại lý bảo hiểm;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán);

- Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Điều hành tour du lịch;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Bán lẻ máy vi tính, phần mềm;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện);
- Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo.

4. Hội đồng quản trị và Ban Điều hành

4.1 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Phạm Phú Quốc	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên
Ông Huỳnh Ngọc Định	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Miên	Thành viên
Bà Võ Thúy Hạnh	Thành viên

4.2 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Bà Lại Thị Thanh Phương	Trưởng ban
Bà Tôn Thị Nga	Thành viên
Ông Trang Nhân Hòa	Thành viên

4.3 Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Nguyễn Văn Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Trương Quang Thống	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thị Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hải Đăng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thúy Hạnh	Kế toán trưởng

5. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 07 đến trang 29.

6. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

8. Xác nhận của Hội đồng quản trị

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong từng năm tài chính và cho năm tài chính từ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phân đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Điều hành đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành cho rằng không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty. Không một thành viên nào của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành có bất cứ khoản lợi nào từ một hợp đồng được ký kết với các Công ty hay các bên liên quan.

9. Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2012
TM. Hội đồng quản trị



PHẠM PHÚ QUỐC

Chủ tịch



Số: 2082/12/BCKT/AUD.VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được lập ngày 12 tháng 03 năm 2012 (từ trang 07 đến trang 29) (sau đây gọi tắt là "Công ty").

Việc lập và trình bày số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất thuộc về Ban Điều hành Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành. Trách nhiệm của chúng tôi là trình bày ý kiến của mình về Báo cáo tài chính (hợp nhất) dựa trên công việc kiểm toán.

Cơ sở kiểm toán

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và tiến hành công việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Điều hành cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành, được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2012.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Ths. Nguyễn Thanh Sang - Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 0851/KTV

Ths. Nguyễn Thanh Hồng - Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 1512/KTV

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**

VIETVALUES - Mang tri thức phục vụ khách hàng - **VIETVALUES** - Mang tri thức phục vụ khách hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

DVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		19.680.098.659	13.765.328.939
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	9.829.741.939	2.637.739.082
111	1. Tiền		4.829.741.939	2.637.739.082
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	5.000.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	5.000.000.000
129	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.884.310.838	2.497.554.157
131	1. Phải thu của khách hàng	5.2	825.547.127	760.334.630
132	2. Trả trước cho người bán	5.3	689.843.600	173.531.859
138	3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.4	924.774.340	2.044.439.197
139	4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	5.5	(555.854.229)	(480.751.529)
140	IV. Hàng tồn kho	5.6	6.127.970.454	2.457.065.072
141	1. Hàng tồn kho		6.127.970.454	2.457.065.072
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.838.075.428	1.172.970.628
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		150.409.747	213.077.680
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		417.917.874	148.956.606
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	5.7	1.269.747.807	810.936.342
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		26.791.488.319	28.765.767.872
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		85.000.000	416.500.000
218	1. Phải thu dài hạn khác		85.000.000	416.500.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		17.009.411.845	17.717.226.656
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5.8	2.467.332.092	3.450.970.879
222	- Nguyên giá		7.454.996.644	7.864.432.073
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.987.664.552)	(4.413.461.194)
227	2. Tài sản cố định vô hình	5.9	10.638.120	16.977.780
228	- Nguyên giá		116.300.000	116.300.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(105.661.880)	(99.322.220)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.10	14.531.441.633	14.249.277.997
240	III. Bất động sản đầu tư	5.11	2.438.741.912	2.540.445.680
241	- Nguyên giá		3.799.189.568	3.799.189.568
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.360.447.656)	(1.258.743.888)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.12	6.150.116.284	6.261.760.235
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		2.654.366.284	596.010.235
258	3. Đầu tư dài hạn khác		3.827.000.000	5.927.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)		(331.250.000)	(261.250.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.108.218.278	1.829.835.301
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	5.13	1.015.837.624	1.829.835.301
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.14	92.380.654	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		46.471.586.978	42.531.096.811

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		9.024.104.486	7.183.754.974
310	I. Nợ ngắn hạn		6.012.266.216	3.885.326.428
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	5.15	159.164.004	-
312	2. Phải trả người bán		112.768.900	86.420.198
313	3. Người mua trả tiền trước	5.16	1.184.672.100	378.217.831
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.17	1.362.366.431	444.179.697
315	5. Phải trả người lao động		1.441.057.500	1.457.369.953
316	6. Chi phí phải trả		527.889.452	481.630.626
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.18	1.146.308.135	1.036.671.395
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		78.039.694	836.728
330	II. Nợ dài hạn		3.011.838.270	3.298.428.546
333	1. Phải trả dài hạn khác	5.19	2.990.134.075	2.948.796.100
334	2. Vay và nợ dài hạn		21.704.195	325.562.747
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	24.069.699
338	4. Doanh thu chưa thực hiện		-	-
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		36.273.554.930	34.114.660.381
410	I. Vốn chủ sở hữu	5.20	36.273.554.930	34.114.660.381
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		31.507.470.000	30.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
416	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	20.143.767
417	5. Quỹ đầu tư phát triển		224.830.243	218.249.710
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		297.643.253	218.249.710
419	7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.243.611.434	3.658.017.194
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
432	1. Nguồn kinh phí		-	-
439	C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		1.173.927.562	1.232.681.456
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		46.471.586.978	42.531.096.811

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
2. Ngoại tệ các loại	5.1.2	31,115.13	30,741.44

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2012

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ THANH VÂN



VÕ THÚY HẠNH



NGUYỄN VĂN HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		68.540.464.568	72.817.562.474
03	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.1	68.540.464.568	72.817.562.474
11	4. Giá vốn hàng bán	6.2	49.936.456.074	52.924.520.123
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.604.008.494	19.893.042.351
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.3	1.127.480.186	704.736.260
22	7. Chi phí tài chính	6.4	295.389.149	322.188.080
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		23.954.183	270.269.311
24	8. Chi phí bán hàng	6.5	4.538.377.968	9.247.471.449
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.6	9.137.468.856	8.446.367.745
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.760.252.707	2.581.751.337
31	11. Thu nhập khác	6.7	2.078.770.714	5.549.273.593
32	12. Chi phí khác	6.8	2.792.341.725	3.311.181.764
40	13. Lợi nhuận khác		(713.571.011)	2.238.091.829
50	14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	6.9	154.366.284	112.169.847
60	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.201.047.980	4.932.013.013
61	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.10	1.011.657.784	1.166.314.363
62	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	6.11	(92.380.654)	
70	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.281.770.850	3.765.698.650
	18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		38.159.416	107.681.456
	18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		4.243.611.434	3.658.017.194
80	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.12	1.404	1.219

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2012

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ THANH VÂN



VÕ THÚY HẠNH



NGUYỄN VĂN HÙNG

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BẾN THÀNH

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Bảo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.201.047.980	4.932.013.013
	2. Điều chỉnh các khoản		462.331.767	(469.694.014)
02	- Khấu hao tài sản cố định		1.079.841.215	1.043.373.414
03	- Các khoản dự phòng		145.102.700	(428.644.246)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(71.409.925)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(904.806.525)	(1.395.471.594)
06	- Chi phí lãi vay		213.604.302	311.048.412
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.663.379.747	4.462.318.999
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(348.622.600)	1.798.836.384
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.670.905.382)	732.813.895
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		1.289.517.825	(1.766.949.362)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		876.665.610	(409.418.031)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(167.860.754)	(270.269.311)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(233.796.192)	(1.337.451.113)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	466.432.830
16	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(288.149.914)	(491.395.756)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.120.228.340	3.184.918.535
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(294.163.636)	(772.781.909)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		109.060.000	228.087.913
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(28.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.000.000.000	38.453.740.891
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.958.840.388)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		83.840.388	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		819.587.525	704.736.260
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		5.718.324.277	8.154.942.767
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.507.470.000	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(144.694.548)	(13.239.538.022)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.080.735.137)	(2.158.232.786)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.717.959.685)	(15.397.770.808)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		7.120.592.932	(4.057.909.506)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2.637.739.082	6.695.648.588
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		71.409.925	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5.1	9.829.741.939	2.637.739.082

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THANH VÂN

VÔ THÚY HẠNH

Tổng Giám đốc
CỘNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ
BẾN THÀNH
QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH
NGUYỄN VĂN HÙNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ, thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Mua bán các mặt hàng gia dụng, lương thực, thực phẩm, lâm thủy hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiểu thủ công nghiệp, máy móc thiết bị phụ tùng vật tư ngành công nông nghiệp, hóa chất, nguyên vật liệu ngành xây dựng, hàng trang trí nội thất, hương liệu, hoa tươi, hoa khô, hoa nhựa, nữ trang vàng, bạc, đá quý, văn hóa phẩm (trừ băng đĩa nhạc, hình), văn phòng phẩm, quần áo, giày dép, mỹ phẩm, hóa mỹ phẩm, rượu bia, nước giải khát;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống;
- Kinh doanh khu vui chơi giải trí (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi tại trụ sở công ty);
- Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, theo hợp đồng;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Cho thuê văn phòng, căn hộ, kho bãi;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh cảng biển, khu công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế công trình, khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình dân dụng vào công nghiệp;
- Mua bán, sửa chữa, bảo hành đồng hồ, điện thoại, xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng, thiết bị ngoại vi và linh kiện, hàng kim khí điện máy, hàng điện tử, thiết bị viễn thông;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ photocopy;
- Đại lý bảo hiểm;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Điều hành tour du lịch;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;

- Bán lẻ máy vi tính, phần mềm;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện);
- Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo.

1.4 Công ty con được hợp nhất

Công ty Cổ phần Xe máy Bến Thành (tỷ lệ sở hữu 55,00%).

Ngành nghề hoạt động chính: Mua bán xe mô tô, xe máy

Địa chỉ: 48-50-52 Trần Hưng Đạo, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

1.5 Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất

1. Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành (tỷ lệ sở hữu 50,00%).

Ngành nghề hoạt động chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, hàng không.

Địa chỉ: 45/4 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Bến Thành Việt (tỷ lệ sở hữu 35,00%).

Ngành nghề hoạt động chính: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất.

Địa chỉ: 68 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: được áp dụng theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào cuối kỳ kế toán các số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ được điều chỉnh lại theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo Chuẩn mực kế toán số 10 – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, ban hành theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002.

Tỷ giá hạch toán ngày 31 tháng 12 năm 2011 là: 20.828 VNĐ/USD.

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành, chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 do Bộ Tài chính ban hành; thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung 15/2006/QĐ-BTC và các thông tư, hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

3.2 Cam kết kế toán

Chúng tôi, Ban Điều hành Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành cam kết tuân thủ đúng Luật kế toán, Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong hệ thống kế toán và báo cáo kế toán do Nhà nước Việt Nam quy định.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

- *Công ty con*

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

- *Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

Đầu tư của Công ty vào công ty liên doanh, liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu Công ty liên doanh, liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một công ty con.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Công ty nắm giữ. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh, liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của công ty liên kết. Công ty ghi nhận phần tỷ lệ của mình, khi thích hợp vào các tài khoản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng của Công ty mẹ. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Công ty và các công ty liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của các công ty liên doanh, liên kết được lập cho cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

▪ **Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Đầu tư chứng khoán và đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư, nếu phát sinh vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại, phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận: các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.
- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4 Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: theo nguyên tắc giá gốc;
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Thực tế đích danh;
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên;
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: vào thời điểm khóa sổ Công ty tổ chức đánh giá lại hàng tồn kho và trích lập trên cơ sở chênh lệch lớn hơn của giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

4.5 Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

▪ **Nguyên tắc đánh giá:**

Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định và những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi/(lỗ) nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh.

▪ **Phương pháp khấu hao áp dụng:**

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

▪ **Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:**

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 15 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 07 năm
+ Phương tiện vận tải	03 – 08 năm
+ Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 04 năm
+ Phần mềm kế toán	05 năm
+ Bất động sản đầu tư	30 năm

4.6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá.
- Khấu hao bất động sản đầu tư theo phương pháp đường thẳng.

4.7 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.
- Chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai cho việc sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay được xác định một cách đáng tin cậy.
- Chi phí trả trước: căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Chi phí trả trước: chủ yếu là những chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng, chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ dần vào chi phí kết quả kinh doanh trong kỳ, và thời gian phân bổ căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.
- Phương pháp phân bổ: Theo phương pháp đường thẳng.

4.10 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.

4.11 Đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết và đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.
- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

4.12 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: là số vốn thực góp của chủ sở hữu;
- Thặng dư vốn cổ phần: là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ;
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Theo điều lệ Công ty.

4.13 Doanh thu và chi phí

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành ;
 - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.
- Doanh thu tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn:
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận phù hợp với doanh thu và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

4.14 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không có bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.15 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không có bù trừ.

4.16 Nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Việt Nam:

- Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 25%

Năm 2011, Công ty được hưởng ưu đãi về thuế TNDN theo thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn Nghị định 101/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành ngày 04 tháng 11 năm 2011: giảm 30% thuế TNDN năm 2011 (do Công ty thỏa điều kiện doanh nghiệp vừa và nhỏ có vốn điều lệ từ 10 – 50 tỷ và tổng số lao động nhỏ hơn 100 lao động).

- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

4.17 Bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Mã số	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.1.1	Tiền mặt	199.801.521	221.999.591
5.1.2	Tiền gửi ngân hàng	4.629.940.418	2.415.739.491
5.1.3	Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	2.415.739.491
Tổng cộng		9.829.741.939	2.637.739.082

5.1.2 Tiền gửi ngân hàng

Chi tiết số dư ngân hàng gồm:

STT	Ngân hàng	Cuối năm		Đầu năm	
		Ngoại tệ (USD)	Tương đương VND	Ngoại tệ (USD)	Tương đương VND
1	Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	2.585.570.660	-	306.478.021
2	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	-	1.396.303.831	-	1.055.994.269
3	Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	31,115.13	648.065.927	30,741.44	599.526.310
4	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Eximbank	-	-	-	453.740.891
Cộng		31,115.13	4.629.940.418	30,741.44	6.248.979.026

5.1.3 Các khoản tương đương tiền

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông.

5.2 Phải thu của khách hàng

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty TNHH SanYo	355.121.690	420.978.800
- Công ty TNHH Đông Nam	82.700.000	-
- Các đối tượng khác	387.725.437	339.355.830
Cộng	825.547.127	760.334.630

5.3 Trả trước cho người bán

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty Hon Da Việt Nam	636.343.600	-
- Các đối tượng khác	53.500.000	173.531.859
Cộng	689.843.600	173.531.859

5.4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Phải thu Dự án 504 Nguyễn Tất Thành	596.492.959	446.287.559
- Phải thu Dự án 21-23-27 Tôn Thất Thiệp	257.607.750	257.607.750
- Các đối tượng khác	70.673.631	1.340.543.888
Cộng	924.774.340	2.044.439.197

5.5 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Dự phòng phải thu Dự án 504 Nguyễn Tất Thành	298.246.479	223.143.779
- Dự phòng phải thu Dự án 21-23-27 Tôn Thất Thiệp	257.607.750	257.607.750
Cộng	555.854.229	480.751.529

5.6 Hàng tồn kho

Mã số	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.6.1	Nguyên liệu, vật liệu	-	-
5.6.2	Công cụ, dụng cụ	-	-
5.6.3	Hàng hóa	6.127.970.454	2.457.065.072
5.6.4	Hàng gửi đi bán	-	-
5.6.5	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho		6.127.970.454	2.457.065.072

Hàng hóa

Chủ yếu là xe máy Honda, phụ tùng đi kèm và rượu bia nước giải khát tồn kho.

5.7 Tài sản ngắn hạn khác

Mã số	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.7.1	Tạm ứng	1.105.747.807	660.936.342
5.7.2	Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	164.000.000	150.000.000
Tổng cộng		1.269.747.807	810.936.342

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	2.098.253.088	302.103.524	4.801.847.218	662.228.243	7.864.432.073
2. Tăng trong năm	-	12.000.000	-	-	12.000.000
<i>Tăng do mua mới</i>	-	12.000.000	-	-	12.000.000
3. Giảm trong năm	-	-	403.435.429	18.000.000	421.435.429
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	403.435.429	18.000.000	421.435.429
4. Số dư cuối năm	2.098.253.088	314.103.524	4.398.411.789	644.228.243	7.454.996.644
II. Giá trị hao mòn					
1. Số dư đầu năm	1.320.710.905	63.354.277	2.777.157.786	252.238.226	4.413.461.194
2. Tăng trong năm	195.534.460	42.740.480	599.421.456	68.812.298	491.259.980
<i>- Khấu hao trong năm</i>	195.534.460	42.740.480	599.421.456	68.812.298	491.259.980
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	379.594.429	18.000.000	397.594.429
4. Số dư cuối năm	1.516.254.365	106.094.757	2.996.984.813	368.330.617	4.987.664.552
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	777.542.183	238.749.247	2.024.689.432	409.990.017	3.450.970.879
2. Tại ngày cuối năm	581.998.723	208.008.767	1.401.426.976	275.897.626	2.467.332.092

Trong đó, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 679.195.658 đồng.

5.9 Tài sản cố định vô hình

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình như sau:

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số đầu năm	116.300.000	116.300.000
2. Tăng trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối năm	116.300.000	116.300.000
II. Giá trị hao mòn		
1. Số đầu năm	99.322.220	99.322.220
2. Tăng trong năm	6.339.660	6.339.660
- Khấu hao trong năm	6.339.660	6.339.660
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối năm	105.661.880	105.661.880
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	16.977.780	16.977.780
2. Tại ngày cuối năm	10.638.120	10.638.120

Trong đó, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 97.200.000 đồng.

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí phát sinh cho xây dựng công trình cao ốc 136-137 Bến Chương Dương, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.11 Bất động sản đầu tư

Chi tiết tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư như sau:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số đầu năm	3.799.189.568	3.799.189.568
2. Tăng trong năm	-	-
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối kỳ	3.799.189.568	3.799.189.568
II. Giá trị hao mòn		
1. Số đầu năm	1.258.743.888	1.258.743.888
2. Tăng trong năm	101.703.768	101.703.768
- Khấu hao trong năm	101.703.768	101.703.768
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối năm	1.360.447.656	1.360.447.656
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	2.540.445.680	2.540.445.680
2. Tại ngày cuối năm	2.438.741.912	2.438.741.912

5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Mã số	Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
5.12.1	Đầu tư vào công ty con	-	-
5.12.2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	2.654.366.284	596.010.235
5.12.3	Đầu tư dài hạn khác	3.827.000.000	5.927.000.000
5.12.4	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	(331.250.000)	(261.250.000)
Tổng cộng		6.150.116.284	6.261.760.235

5.12.2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Là các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Bến Thành Việt. Chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Dự án Bến Thành Việt (*)	2.100.000.000	-
- Công ty CP Giao nhận Bến Thành(**)	400.000.000	483.840.388
- Lợi nhuận lũy kế từ kết quả kinh doanh	154.366.284	112.169.847
Cộng	2.654.366.284	596.010.235

(*) Khoản đầu tư hợp tác thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Bến Thành Việt theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 01/BTSC-VCR giữa ba bên là Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành, Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hồng Phúc, tỷ lệ góp vốn 35,00% vốn điều lệ, tỷ lệ thực góp 21,00% (tương đương 2.100.000.000 đồng). Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dự án Bến Thành Việt hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310568699 vào ngày 10 tháng 01 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp với vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng.

(**) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành, tỷ lệ góp vốn 50,00% vốn điều lệ, tỷ lệ thực góp 32,26% (tương đương 400.000.000 đồng). Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310074516 ngày 21/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp với vốn điều lệ là 1.500.000.000 đồng. Lợi nhuận lũy kế từ kết quả hoạt động kinh doanh là 154.366.284 đồng.

5.12.3 Đầu tư dài hạn khác

Chi tiết như sau:

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu theo giấy phép	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Giá trị
- Công ty Cổ phần Thương mại Cần Thơ	10,00%	70.000	1.599.000.000
- Công ty TNHH Dịch vụ Quản lý Bến Thành	16,50%	-	528.000.000
- Công ty Cổ phần Bến Thành Nam Long	20,00%	20.000	200.000.000
- Công ty Cổ phần Giao dịch Bất động sản Bến Thành	6,00%	150.000	1.500.000.000
Cộng			3.827.000.000

5.12.4 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty Cổ phần Bến Thành Nam Long	200.000.000	200.000.000
- Công ty TNHH Dịch vụ Quản lý Bến Thành	131.250.000	61.250.000
Cộng	331.250.000	261.250.000

5.13 Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí sửa chữa tài sản cố định chờ phân bổ.

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.829.835.301	1.464.515.952
Phát sinh tăng trong năm	397.460.063	1.257.636.363
Phân bổ trong năm	(1.211.457.740)	(892.317.014)
Số dư cuối năm	1.015.837.624	1.829.835.301

5.14 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	-
Phát sinh trong năm	92.380.654
Hoàn nhập trong năm	-
Số cuối năm	92.380.654

5.15 Vay và nợ ngắn hạn

Là khoản nợ dài hạn đến hạn trả cho Công ty Quản lý và Kinh doanh Chợ Bình Điền về hợp đồng sử dụng địa điểm kinh doanh tại chợ đầu mối nông sản thực phẩm Bình Điền trong thời hạn 50 năm. Thời hạn thanh toán tiền thuê là 7 năm, từ tháng 4 năm 2006 đến tháng 4 năm 2013 và lãi suất trả chậm là 0,7%/tháng.

5.16 Người mua trả tiền trước

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Trần Thị Thanh Mai	980.290.000	212.490.000
- Vũ Thị Tuyết Sương	174.670.000	47.780.000
- Khách hàng khác	29.712.100	117.947.831
Cộng	1.184.672.100	378.217.831

5.17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	128.576.463	776.354
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.211.718.293	433.856.701
- Thuế thu nhập cá nhân	22.071.675	9.546.642
Cộng	1.362.366.431	444.179.697

5.18 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Chủ yếu là khoản cổ tức phải trả cho cổ đông

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Kinh phí công đoàn	44.446.716	26.758.398
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.560.000	2.560.000
- Lợi nhuận chia cho Tổng Công ty Bến Thành	660.000.000	620.000.000
- Các khoản khác	439.301.419	387.352.997
Cộng	1.146.308.135	1.036.671.395

5.19 Phải trả dài hạn khác

Là các khoản tiền ký quỹ của khách hàng.

Chi tiết gồm:	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tiến Công	1.124.000.000	1.124.000.000
- Công ty Quản lý nợ Khai thác Tài sản Ngân hàng Quân đội	549.859.200	454.368.000
- Công ty TNHH Nhà hàng Lá Cuốn	312.420.000	283.980.000
- Công ty TNHH TM & DV Nhạc Sóng	114.000.000	114.000.000
- Các đối tượng khác	889.854.875	972.448.100
Cộng	2.990.134.075	2.948.796.100

5.20 Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	-	207.006.666	207.006.666	2.204.860.876	32.618.874.208
- Tăng trong năm trước	-	20.143.767	11.243.044	11.243.044	3.658.017.194	3.700.647.049
- Giảm trong năm trước	-	-	-	-	2.204.860.876	2.204.860.876
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	30.000.000.000	20.143.767	218.249.710	218.249.710	3.658.017.194	34.114.660.381
- Tăng trong năm nay	1.507.470.000	-	6.580.533	79.393.543	4.243.611.434	5.837.055.510
+ Tăng do phát hành cổ phiếu	1.507.470.000	-	-	-	-	-
+ Tăng từ kết quả hoạt động kinh doanh năm nay	-	-	-	-	4.243.611.434	4.243.611.434
+ Tăng từ lãi trong năm trước	-	-	6.580.533	79.393.543	-	85.974.076
- Giảm trong năm nay	-	20.143.767	-	-	3.653.528.803	3.673.672.570
Số dư cuối kỳ này	31.507.470.000	-	224.830.243	297.643.253	4.243.611.434	36.273.554.930

(*) Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ (%)	Cuối năm	Đầu năm
- Vốn của cổ đông nhà nước	47,11	14.786.200.000	13.500.000.000
- Vốn của cổ đông khác	52,89	16.721.270.000	16.500.000.000
Cộng	100,00	31.507.470.000	30.000.000.000

Cổ phiếu	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.150.747	3.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.150.747	3.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.150.747	3.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.150.747	3.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.150.747	3.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/1 cổ phiếu)	10.000	10.000

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chủ yếu là doanh thu bán xe máy, phụ tùng xe máy và doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng, thuê kho và vận chuyển.

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	35.862.291.200	45.917.126.094
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.850.506.460	24.304.707.473
- Doanh thu cho thuê bất động sản	2.827.666.908	2.595.728.907
Cộng	68.540.464.568	72.817.562.474

6.2 Giá vốn hàng bán

Chủ yếu là giá vốn bán xe máy, phụ tùng xe máy và giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng, thuê kho và vận chuyển.

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn bán hàng hóa	33.626.376.991	40.678.595.065
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	16.211.375.315	12.144.221.290
- Giá vốn cho thuê bất động sản	101.703.768	101.703.768
Cộng	49.939.456.074	52.924.520.123

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
---------------	----------------	------------------

- Lãi tiền gửi ngân hàng	861.045.849	550.150.546
- Cổ tức lợi nhuận được chia	195.024.412	154.585.714
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	71.409.925	-
Cộng	1.127.480.186	704.736.260

6.4 Chi phí tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Dự phòng đầu tư ngắn hạn	123.740.891	-
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	147.694.075	-
- Lãi vay	23.954.183	270.269.311
- Chi phí tài chính khác	-	51.918.769
Cộng	295.389.149	322.188.080

6.5 Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	2.196.600.098	1.830.099.130
- Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	197.082.287	121.547.755
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.931.185	129.733.313
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.075.691.971	6.141.594.894
- Các chi phí bằng tiền khác	1.008.072.427	1.024.496.357
Cộng	4.538.377.968	9.247.471.449

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	5.142.914.078	4.374.375.108
- Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	121.305.687	342.257.842
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	272.887.798	418.181.373
- Thuế, phí và lệ phí	404.509.208	320.588.798
- Chi phí dự phòng	75.102.700	320.588.798
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.007.143.253	1.388.295.596
- Các chi phí bằng tiền khác	1.113.606.132	1.417.635.629
Cộng	9.137.468.856	8.446.367.745

6.7 Thu nhập khác

Chủ yếu là khoản lợi nhuận được chia từ hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Tiến Công.

6.8 Chi phí khác

Chủ yếu là khoản chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty Bến Thành TNHH MTV

6.9 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh

Lãi trong năm thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành.

6.10 Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh tại Công ty mẹ	993.670.181
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh tại Công ty con	92.380.654
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:	1.011.657.784

6.11 Chi phí thuế thu nhập hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế:	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ:	92.380.654
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng:	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:	92.380.654

6.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.281.770.851	3.765.698.650
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(38.159.416)	(107.681.456)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(38.159.416)	(107.681.456)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.243.611.435	3.658.017.194
- Số lượng Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.022.612	3.000.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/Cổ phiếu)	1.404	1.219

6.13 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
---------------	---------	-----------

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	993.017.270	1.777.416.835
- Chi phí nhân công	1.758.782.964	9.092.511.674
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.070.428.995	941.669.646
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.854.053.576	18.238.297.528
- Các chi phí bằng tiền khác	2.345.167.022	1.449.575.723
Cộng	15.021.449.827	31.499.471.406

7 THÔNG TIN KHÁC

Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2011, Công ty thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (xem thuyết minh mục 2.2). Theo đó, khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ thay vì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) như năm trước.

Thông tin khác

Trong năm 2011 công ty đã thực hiện xong phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ đã được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận niêm yết bổ sung theo Quyết định 45/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 02 năm 2012. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đang hoàn tất việc đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc tăng vốn điều lệ với cơ quan chức năng.

Giao dịch với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Giao nhận Bến Thành (Công ty liên kết)	Năm nay	Năm trước
- Tiền cho thuê mặt bằng	240.000.000	98.181.816
- Nhận lại vốn góp	83.840.388	-
- Tiền bảo trì thiết bị máy tính	34.131.566	31.014.789

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THANH VÂN

Kế toán trưởng



VÕ THÚY HẠNH



Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN HÙNG



2082TC/12/BCKT/AUD-VVALUES